

Bản án số: 13/2019/HS-ST  
Ngày 08-8-2019

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Hữu Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Đỗ Thị Viện

**- Thư ký phiên toà:** Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 06/2019/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1972 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Hoàng Thị M; có vợ là Bùi Thị T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. Hoàng Đình H2, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1974 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình Đ và bà Đàm Thị T; có vợ là Phạm Thị N và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

3. Nguyễn Duy C, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1992 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T và bà Bùi Thị M; có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

4. Bùi Hồng Q, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1986 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Ngô Thị T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

5. Hoàng Đình Ch, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1993 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình K và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

6. Ngô Quang Nh, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1975 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang H và bà Đỗ thị N; có vợ là Ngô Thị T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt;

7. Hoàng Đình T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1989 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình H và bà Ngô Thị T; có vợ là Đặng Thị Kiều H và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

8. Hoàng Đình H3, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1979 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Đoàn Thị Đ và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

9. Phạm Văn H1, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1984 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ là

Lê Thị H, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

10. Hoàng Đăng P, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1980 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đăng T và bà Nguyễn Thị S; có vợ là: Nguyễn Thị H và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

11. Hoàng Đình C1, sinh ngày 07 tháng 4 năm 1974 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình C và bà Vũ Thị M; có vợ là Bùi Thị H và có 02 con; tiền án: 01, Bản án số 19/2017/HSST ngày 10-10-2017 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24-11-2018, đến ngày 03-12-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Khắc Q1, nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Quang H4, nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

3. Anh Phạm Minh Th, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

4 Anh Đoàn Đắc Tr, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

5. Anh Hán Hưng Đ, nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Khắc M, vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn H, vắng mặt;

4. Anh Phạm Văn L, vắng mặt;

5. Anh Hoàng Đình S, có mặt;

6. Anh Phạm Xuân B, vắng mặt;

7. Anh Phạm Dương T1, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 24-11-2018, anh Phạm Dương T1, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng tổ chức liên hoan tại nhà để chuẩn bị cho lễ cưới của con trai. Trong số khách mời có: Phạm Văn H, Hoàng Đình H2, Nguyễn Duy C, Bùi Hồng Q, Hoàng Đình Ch, Ngô Quang Nh, Hoàng Đình T, Hoàng Đình H3, Phạm Văn H1, Hoàng Đăng P, Hoàng Đình C1, Hán Hưng Đ, Phạm Minh Th, Nguyễn Quang H4, Nguyễn Khắc Q1 và Đoàn Đắc Tr.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, một số người rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa (không xác định được ai là người khởi xướng). H nhìn thấy giữa nhà anh T1 có để sẵn công cụ đánh xóc đĩa gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị được cắt từ quân bài chắn nên đã đi vào và cùng với C, Ch, Nh, H1 và P đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Sau đó, H2, Q, T và H3 cũng vào tham gia chơi cùng. Quá trình đánh xóc đĩa, H là người trực tiếp thực hiện việc xóc cái và giao tiền; những người tham gia chơi đặt tiền vào cửa chắn, nghĩa là khi mở bát, 02 hoặc 04 quân vị có mặt giống nhau hoặc đặt tiền vào cửa lẻ, nghĩa là khi mở bát, 03 quân vị có mặt giống nhau; khi không còn người đặt cửa thì H sẽ mở bát; người chơi đặt đúng cửa chắn hoặc lẻ theo quân vị sau khi mở bát sẽ được số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược. Người chơi đặt không đúng cửa chắn hoặc lẻ theo quân vị sau khi mở bát sẽ mất số tiền đã đặt cược.

Trong lúc những người nêu trên đang đánh xóc đĩa, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn liên hoan xong, C1, Đ, Th, H4, Q1 và Tr ngồi uống nước trong nhà anh T1 thấy trên bàn có để một bộ bài tú lơ khơ nên đã rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh liêng (không xác định được người khởi xướng) trong phòng đầu tiên, ngay cửa ra vào phía trước nhà anh T1. Khi đánh liêng, những người chơi sử dụng một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá từ A đến K; trong một ván, từng người sẽ phải đặt 10.000 đồng (gọi là tiền gà), mỗi người sẽ được chia 03 lá bài để cộng điểm lại, ai có điểm cao nhất sẽ thắng và được lấy tiền gà; lá A được tính một điểm, theo thứ tự đến lá 10 thì được tính 10 điểm, các lá j, Q và K được tính không điểm; ai cho rằng mình có điểm cao nhất thì có quyền tố thêm tiền nhưng không được vượt quá 50.000 đồng/lần tố và được quyền tố nhiều lần trong một ván, ai không theo tiền tố sẽ bị thua ván đó.

Đến 22 giờ 30 phút, ngày 24-11-2018, Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang H, H2, C, Q, Ch, Nh, T, H3, H1 và P đang cùng đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa và thu giữ: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn, 7.100.000 đồng trên chiếu bạc, 15.520.000 đồng trên người các đối tượng; bắt quả tang C1, Đ, Th, H4, Q1 và Tr đang cùng đánh bạc dưới hình thức đánh liêng và thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá, 2.540.000 đồng trên chiếu bạc, 17.432.000 đồng trong người các đối tượng.

Khi tham gia đánh xóc đĩa, H có 2.600.000 đồng, H2 có 6.200.000 đồng, C có 3.470.000 đồng, Q có 2.500.000 đồng, Ch có 1.522.000 đồng, Nh có 1.500.000 đồng, T có 700.000 đồng, H3 có 700.000 đồng, H1 có 300.000 đồng, P có 160.000 đồng. Những số tiền trên, các bị cáo đều dùng vào việc đánh bạc.

Khi tham gia đánh liêng, C1 mang theo 980.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 680.000 đồng trong người; H4 mang theo 1.205.000 đồng, sử dụng 490.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 715.000 đồng trong người; Th mang theo 590.000 đồng, sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 140.000 đồng trong người; Tr mang theo 200.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 50.000 đồng trong người; Q1 mang theo 9.142.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 8.642.000 đồng trong người; Đ mang theo 7.855.000 đồng, sử dụng 650.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 7.205.000 đồng trong người.

Ngoài ra, Công an quận Đồ Sơn còn thu giữ 12 chiếc điện thoại di động của các đối tượng tham gia đánh bạc và 27.000.000 đồng tại gầm bàn cạnh chiếu đánh xóc đĩa. Đối với số tiền này, những người tham gia đánh bạc khai nhận đó là tiền của những người tham gia đánh xóc đĩa bỏ chạy vút ra khi thấy có Công an đến.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 02-5-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố H cùng các đồng phạm và C1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H cùng đồng phạm đều thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức xóc đĩa, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 22.620.000 đồng; bị cáo C1 thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức đánh liêng với những người liên quan khác, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.540.000 đồng; cùng những vật chứng của vụ án bị Cơ quan điều tra thu giữ đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố; việc điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo là không oan sai; không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trừ bị cáo C1 phạm tội trong thời gian thử thách, các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự. Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 02-5-2019, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố các bị can tham gia đánh xóc đĩa với tổng số tiền là 49.620.000 đồng (Bao gồm 7.100.000 đồng thu giữ tại chiếu xóc đĩa và 15.520.000 đồng thu giữ của các bị can chơi xóc đĩa, 27.000.000 đồng thu giữ tại gầm bàn cạnh chiếu xóc đĩa). Tuy nhiên, tại phiên tòa, do không làm rõ được số tiền 27.000.000 đồng thu giữ tại gầm bàn cạnh chiếu đánh xóc đĩa là do các bị cáo vút ra nên đại diện Viện Kiểm sát đã rút một phần truy tố đối với số tiền này, chỉ truy tố đối với các bị cáo tham gia đánh xóc đĩa với tổng số tiền là 22.620.000 đồng (Bao gồm 7.100.000 đồng thu giữ tại chiếu và 15.520.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Hoàng Đình H2 từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Bùi Hồng Q từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đình Ch từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ; không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Quang Nh từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, trừ cho bị cáo (09 ngày) tạm giữ; không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đình T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ; không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đình H3 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ; không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 từ 25.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đăng P từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đình C1 từ 06 đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt tại Bản án số 19/2017/HSST ngày 10-10-2017 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quần vớ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây do là công cụ phương tiện phạm tội.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 7.100.000 đồng thu giữ trên chiếu xóc đĩa, 27.000.000 đồng thu giữ tại gầm bàn cạnh chiếu xóc đĩa, 2.540.000 đồng thu giữ trên chiếu đánh liêng, 1.850.000 đồng thu giữ của bị cáo H, 6.200.000 đồng thu giữ của bị cáo H2, 3.570.000 đồng thu giữ của bị cáo C, 2.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Q, 1.150.000 đồng thu giữ của bị cáo Ch, 50.000 đồng thu giữ của bị cáo Nh, 500.000 đồng thu giữ của bị cáo H1, 680.000 đồng thu giữ của bị cáo C1, 50.000 đồng thu giữ của anh Tr, 140.000 đồng thu giữ của anh Th, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng của bị cáo H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng của bị cáo C1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen của bị cáo T.

Trả lại anh H4 680.000 đồng, ông Q1 8.642.000 đồng và anh Đ 7.205.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo H2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 màu trắng, bị cáo Nh 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen, bị cáo H1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 màu trắng, bị cáo P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, bị cáo Ch 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bị cáo Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6s plus vàng hồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, bị cáo C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh và bị cáo H3 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu samsung J7 PRIME màu đen nhưng cần tiếp tục tạm giữ những chiếc điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội, nhận thức được hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H, Hoàng Đình H2, Nguyễn Duy C, Bùi Hồng Q, Hoàng Đình Ch, Ngô Quang Nh, Hoàng Đình T, Hoàng Đình H3, Phạm Văn H1, Hoàng Đăng P và Hoàng Đình C1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo Nh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc Q1, anh Nguyễn Quang H4 và anh Hán Hưng Đ: Tại phiên tòa ngày 12-7-2019, bị cáo Nh vắng mặt vì sức khỏe yếu, đang điều trị tại bệnh viện, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nh vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Q1, anh H4 và anh Đ vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của bị cáo Nh là có căn cứ chấp nhận; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên trên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 và khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo H cùng đồng phạm đều thừa nhận vào hồi 21 giờ 30 phút, ngày 24-11-2018, tại nhà anh Phạm Dương T1, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, các bị cáo đã cùng có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức xóc đĩa, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 22.620.000 đồng, bị Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang và thu giữ số tiền dùng để đánh bạc nêu trên và 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị. Bị cáo C1 thừa nhận cũng vào thời gian và địa điểm nêu trên, bị cáo cùng Hán Hưng Đ, Phạm Minh Th, Nguyễn Quang H4, Nguyễn Khắc Q1 và Đoàn Đắc Tr đã cùng có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức đánh liêng, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.540.000 đồng, bị Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang và thu giữ số tiền dùng để đánh bạc nêu trên và 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây.

[4] Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 02-5-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố các bị cáo tham gia đánh xóc đĩa với tổng số tiền là 49.620.000 đồng; trong đó, có 7.100.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 15.520.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo và 27.000.000 đồng thu giữ tại gầm bàn cạnh chiếu bạc. Tuy nhiên, qua xét hỏi tại phiên tòa xác định số tiền 27.000.000 đồng không phải do các bị cáo tham gia đánh xóc đĩa rút ra nên đại diện Viện Kiểm sát đã rút một phần truy tố đối với số tiền này, chỉ truy tố đối với tổng số tiền là 22.620.000 đồng; trong đó, có 7.100.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 15.520.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo. Việc rút một phần truy tố không làm xấu đi tình trạng của các bị cáo và phản ánh khách quan tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 321 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[6] Đối với bị cáo C1, tổng số tiền mà bị cáo cùng những người liên quan dùng để đánh bạc là 2.540.000 đồng (dưới 5.000.000 đồng). Tại Bản án số 19/2017/HSST ngày 10-10-2017 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Như vậy, bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc trong thời gian thử thách.

[7] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo làm mất an ninh, trật tự địa phương. Tệ nạn đánh bạc được thua bằng tiền hoặc hiện vật có giá không những làm thiệt hại về mặt kinh tế mà còn tiêu tốn về thời gian, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người chơi. Do vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo, qua đó, nâng cao hiệu quả của việc giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật trong quần chúng nhân dân trên địa bàn.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trừ bị cáo C1 phạm tội trong thời gian thử thách, các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo C1 không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

*Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong đồng phạm:*

[11] Trừ bị cáo C1, các bị cáo còn lại cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn; không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các đồng phạm. Khi xem xét quyết định hình phạt cho mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử cần xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của mỗi bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo C1 không phải là người đồng phạm với các bị cáo còn lại.

[12] Tại chiếu bạc xóc đĩa, tất cả các bị cáo đều tham gia đánh bạc nên đều là người thực hành, theo quy định tại đoạn hai khoản 3 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo H là người xóc cái, chủ động xóc quân vị cho những bị cáo khác tham gia đặt cược và giam tiền nên là người thực hành có vai trò tích cực nhất. Ngoài ra, số tiền mỗi bị cáo dùng để đánh bạc khác nhau cũng thể hiện mức độ tham gia thực hiện tội phạm khác nhau. Bị cáo H2 dùng 6.200.000 đồng tham gia đánh bạc, là số tiền lớn nhất trong đồng phạm. Tiếp sau đó là đến các bị cáo C

(3.470.000 đồng), H (2.600.000 đồng), Q (2.500.000 đồng), Ch (1.522.000 đồng), Nh (1.500.000 đồng), T và H3 (mỗi bị cáo 700.000 đồng), H1 (300.000 đồng), P tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ nhất (160.000 đồng). Người thực hành tham gia đánh bạc với số tiền nhiều hơn sẽ có vai trò tích cực hơn trong đồng phạm.

[13] Như vậy, xét về cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm, bị cáo H sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất; sau đó, đến các bị cáo H2, C, Q, Ch, Nh, T, H3, H1 và P sẽ phải chịu mức án từ cao đến thấp tương ứng với số tiền mà mỗi bị cáo bỏ ra để đánh bạc.

[14] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt. Riêng bị cáo C1 đã bị kết án về tội Đánh bạc nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc trong thời gian thử thách của án treo. Cho thấy, bị cáo không có ý thức sửa chữa sai lầm và tự cải tạo bản thân, thể hiện bị cáo nhân thân xấu. Hội đồng xét xử cần xem xét nhân thân của bị cáo C1 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt đối với các bị cáo; vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[15] Đối với bị cáo C1, như nhận định tại đoạn [5] nêu trên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 19/2017/HSST ngày 10-10-2017 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và tổng hợp với hình phạt của Bản án này theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Thời gian bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù; cụ thể, 01 ngày tạm giữ được trừ bằng 01 ngày tù.

[16] Các bị cáo H, H2, C và Q phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt cao nhất là đến 03 năm tù. Các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo H, H2, C và Q theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[17] Đối với các bị cáo Ch, Nh, T và H3 phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là tội ít nghiêm trọng. Trong đồng phạm, các bị cáo có vai trò thấp hơn các bị cáo H, H2, C và Q. Các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo; xét thấy không cần thiết phải cách ly

các bị cáo khỏi xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Ch, Nh, T và H3 theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; cụ thể, 01 ngày tạm giữ được trừ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo.

[18] Đối với bị cáo H1 và bị cáo P phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là tội ít nghiêm trọng. Hai bị cáo có vai trò thấp nhất trong đồng phạm, đều có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; có tài sản riêng, có khả năng tự cải tạo; xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo H1 và bị cáo P theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

[19] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo C1, H, H2, C, Q, Ch, Nh, T và H3 khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

[20] 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị được cất từ quần bài chắn và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tịch, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[21] Số tiền 22.620.000 đồng thu giữ tại chiếu đánh xóc đĩa, số tiền 27.000.000 đồng thu giữ tại gầm bàn cạnh chiếu đánh xóc đĩa và số tiền 2.540.000 đồng thu được tại chiếu đánh liêng là tiền mà các bị cáo và những người liên quan dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[22] Đối với số tiền 17.432.000 đồng thu được trong người các đối tượng tham gia đánh liêng. Tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã xác định bị cáo C1 và những người cùng chơi đánh liêng không sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo C1 và những người liên quan theo điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo C1, anh Tr và anh Th đều đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã bị thu giữ trong người. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo C1, anh Tr và anh Th nên Hội đồng xét xử chấp nhận tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 680.000 đồng thu giữ trong người bị cáo C1, 50.000 đồng thu giữ trong người anh Tr và 140.000 đồng thu giữ trong người anh Th.

[23] Đối với 12 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo. Quá trình điều tra đã làm rõ các bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc phạm tội. Đây không phải là vật chứng của vụ án nên cần trả lại cho các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm

bảo thi hành án. Tại phiên tòa, các bị cáo H, T và C1 đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với những chiếc điện thoại của các bị cáo bị thu giữ. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[24] Về vấn đề khác: Ông Q1, anh Đ, anh Th, anh H4 và anh Tr là những người đánh liêng cùng bị cáo C1 với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.540.000 đồng. Do số tiền dùng đánh bạc dưới 5.000.000 đồng; ông Q1, anh Đ, anh Th, anh H4 và anh Tr đều chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Cơ quan Điều tra đã xử phạt hành chính là có căn cứ.

[25] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Hoàng Đình C1 07 (*Bảy*) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp với hình phạt 09 (*Chín*) tháng tù của Bản án số 19/2017/HSST ngày 10-10-2017 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bị cáo phải chấp hành 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Trừ cho bị cáo 09 (*Chín*) ngày tạm giữ theo Bản án này và 09 (*Chín*) ngày tạm giữ theo Bản án số 19 nêu trên, bị cáo phải chấp hành 15 (*Mười lăm*) tháng 12 (*Mười hai*) ngày tù, thời gian tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Văn H 18 (*Mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08-8-2019;

Hoàng Đình H2 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08-8-2019;

Nguyễn Duy C 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08-8-2019;

Bùi Hồng Q 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08-8-2019;

Giao các bị cáo H, H2, C và Q cho Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường

hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Hoàng Đình Ch 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ 09 (*Chín*) ngày nên được trừ bằng 27 (*Hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (*Tám*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Ngô Quang Nh 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ 09 (*Chín*) ngày nên được trừ bằng 27 (*Hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (*Tám*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Hoàng Đình T 08 (*Tám*) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ 09 (*Chín*) ngày nên được trừ bằng 27 (*Hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (*Bảy*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Hoàng Đình H3 08 (*Tám*) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ 09 (*Chín*) ngày nên được trừ bằng 27 (*Hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (*Bảy*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo Ch, Nh, T và H3.

Giao bị cáo Ch và bị cáo H3 cho Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Nh cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Văn H1 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng về tội Đánh bạc;

Hoàng Đăng P 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng về tội Đánh bạc.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị được cất từ quân bài chắn và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại bị cáo H2 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 màu trắng, số model 6300, IC 661U-RM217; bị cáo Nh 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen, số IMEI 1: 351580076779749; bị cáo H1 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 màu trắng, số IMEI 358367066673147; bị cáo P 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình bị vỡ, số IMEI 1: 867764024940135; bị cáo Ch 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra được số IMEI; bị cáo Q 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6s plus màu vàng hồng, MODEL A 1687 FCCID: BCG E2944A IC 579C-E2944A và 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, số IMEI 353599093801821; bị cáo C 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, không kiểm tra được số IMEI; bị cáo H3 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu samsung J7 PRIME màu đen, số IMEI 358860/08/668163/3. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ những chiếc điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, số IMEI 990002889029102 thu của bị cáo H; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, số IMEI 013884004167682 thu của bị cáo C1 và 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen, ở vỏ phía sau góc trái có chữ M250 MIM02P thu của bị cáo T.

Các vật chứng và điện thoại trên được thể hiện trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10-5-2019, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 22.620.000 (Hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng thu giữ tại chiếu đánh xóc đĩa, 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng thu giữ tại gầm bàn cạnh chiếu đánh xóc đĩa, 2.540.000 (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng thu được tại chiếu đánh liêng và 870.000 đồng thu giữ trong người bị cáo C1, anh Tr và anh Th. Trả lại ông Q1 8.642.000 đồng, anh H4 715.000 đồng và anh Đ 7.205.000 đồng.

Các khoản tiền trên được thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2010/6232 ngày 10-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nh, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc Q1, anh Nguyễn Quang H4 và anh Hán Hưng Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Các bị cáo còn lại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Đắc Tr và anh Phạm Minh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã, phường (Nơi các bị cáo cư trú);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Trường**